BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 22/04 Đến 28/04/2024

LỚP			12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.1	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 22/04	Sáng	1	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.301)		Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)		Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.401)		Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)							Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.204)		Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.202)																
		4				Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)				Toán TN Kim Thành Nam (H5.203)					Toán TN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.401)														
		5																												
	Chiều	6																												
		7			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.402)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	Sinh học TN Nguyễn Thị Hợp (H5.403)				Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)				Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)		Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					SQL Server Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				
		8																												
		9			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.402)		Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)	Hóa học_TNTHPT Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)				Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.401)				Địa TN Khổng Thị An Giang (H5.406)													
		10																												
Thứ 3 23/04	Sáng	1	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)			Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.201)			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.204)			Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)	Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.302)																											
		4				Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.203)		ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)													
		5																												
	Chiều	6						Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.103)		Toán TN Kim Thành Nam (H5.404)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)		Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.407)								Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			SQL Server Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng ()
		7		Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.402)																									
		8						Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)																				
		9		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa TN Khổng Thị An Giang (H5.402)						Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.403)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.407)																
		10																												
Thứ 4 24/04	Sáng	1		Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.302)			Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.401)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.402)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Truyền động điện Trần Văn Kiên (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)			Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)												
		4			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)								Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)																	
		5																												
	Chiều	6	Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.401)						ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		Địa TN Khổng Thị An Giang (H5.407)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)					Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				SQL Server Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		7																												
		8	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)						Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.404)		Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)		Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.407)																
		9													Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)															
		10																												

LỚP			12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.1	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 25/04	Sáng	1			Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.407)			ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.203)			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.202)		Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2		Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)																										
		3				Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)								Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.202)																
		4		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)				Vật lý TN Phạm Thanh Mai (H5.201)	Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.302)			Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)													
		5																												
	Chiều	6	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)				Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)			Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.402)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)				Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.104)			Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			SQL Server Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng ()
		7																												
		8	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.401)								Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)																			
		9					Địa TN Dương Thị Hồng (H5.404)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)				Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.406)															
		10																												
Thứ 6 26/04	Sáng	1	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.301)		Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)				Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)		Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.401)		Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)		Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống ĐHKK thương mại Nguyễn Trí Đức (H6.202.TH. PLC)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			SQL Server Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)							Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Văn TN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.204)		Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.401)														
		4				Toán TN Nguyễn Tiến Hiền (H5.407)				Toán TN Kim Thành Nam (H5.203)																				
		5																												
	Chiều	6																	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.104)								Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)				Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		7			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.402)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	Sinh học TN Nguyễn Thị Hợp (H5.403)				Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)				Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)			Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)										
		8																												
		9			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.402)		Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)	Hóa học_TNTHPT Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)				Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.401)				Địa TN Khổng Thị An Giang (H5.406)													
		10																												
Thứ 7 27/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 22/04 Đến 28/04/2024

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 22/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		2																		Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)							
		3						Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		4						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)											Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5						Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)				Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)							
	Chiều	6																												
		7			Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)				Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 23/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)	Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.111_TH THCB)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		2						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)																					Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		3						Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.101)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.101)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa ()	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa ()								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		4																			Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)			Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
	Chiều	6																												
		7								Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Son (H6.202.TH. PLC)				Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)		Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 24/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)					
		2								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					
		3						Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)								Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Văn (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Văn (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		4						Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)										Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					
		5								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	
	Chiều	6																												
		7			Photoshop Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Son (H6.202.TH. PLC)			Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X23.302.Phòng học Máy điện)				Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 25/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Kế toán doanh nghiệp III Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		2						Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				
		3						Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		4						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		5						Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)											Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
	Chiều	6						Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)																						
		7								Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()		Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)			Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 26/04	Sáng	1	Phay Chu Mạnh Hùng (Xưởng TH Khoa Cơ khí)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)			Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		2																		Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.102)							
		3						Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.403)								Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.406)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		4						Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)											Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)				Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)							
	Chiều	6						Trang bị điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)		Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()				Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()				Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Phay Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 27/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6										Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Tiếng anh chuyên ngành Cao Thị Thu ()							Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh ()				Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Phay Vũ Minh Cường (Phòng CAD/CAM/CNC)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 22/04 Đến 28/04/2024

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 22/04	Sáng	1		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		2																												
		3		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp ()					Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		4		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)										Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)								
		5							Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)											
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)					Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)			Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)			Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 23/04	Sáng	1		Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hóa (H5.104)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		2														Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)							
		3		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)						Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		4		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)								
		5														Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)								
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh (H3.205)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)			Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)					Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.106)
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 24/04	Sáng	1		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)
		2							Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)						Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)										
		3		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)								
		4		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)								
		5				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)						Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)										
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Tiếng anh chuyên ngành Trần Việt Anh (H3.207_Khoa SP-KT)			Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.205)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)				Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.203.PHCLC + SÁNH TẦNG 2)		Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.203_TH Máy tính)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)			Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)			
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP																															
THỨ	BUỔI	TIẾT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
Thứ 5 25/04	Sáng	1		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)
		2				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)						Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.303)											
		3		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)								
		4		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)								
		5				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)										
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh (H3.205)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa_CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tin học Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 6 26/04	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)					Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)
		2																													
		3		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)								
		4		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)										Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.107)								
		5							Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)											
	Chiều	6	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.205)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)			Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)						Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)		Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)			Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Hoàng Tùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 7 27/04	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()																							
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()																							
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 22/04 Đến 28/04/2024

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 22/04	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)									Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.105)		Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.106)					LĐ		
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)					Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()			Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()								Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		7																												
		8						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																			Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)			
		10								Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)																			
Thứ 3 23/04	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)											Tiếng anh 2 Hà Ngọc Tân (H3.105)	Ktra: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N01) Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)							
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.104)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu ()	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()								Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		7						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)																Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		8						Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																			Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		9						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		10						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)																			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
Thứ 4 24/04	Sáng	1	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)										Ktra: Vật liệu-1-2-2023(N01) Lê Đức Quảng (...)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.105)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)							
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()			Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)						Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		7						Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		8								Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																			
		9						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)			
		10								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																			

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 25/04	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)		Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)									Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N18) (TV.303)	Ktra: Đo lường-1-2-2023(N01) Nguyễn Minh Khang (X23.308.Phòng học Đo lường)		Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N20) (TV_THI TN01)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)			Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)			
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.106)					Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()		Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()					Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		7																												
		8						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)															Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)															Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			
		10																												
Thứ 6 26/04	Sáng	1		Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)		Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N08) (TV.301)										Ktra: Điện tử cơ bản-1-2-2023(N02) Phạm Ngọc Ánh (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N19) (TV_THI TN01)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)			Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.103)			
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý thiết bị Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()					Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiền (H5.302)			
		7																												
		8						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)															Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																		Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)			
		10								Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)																			
Thứ 7 27/04	Sáng	1																							Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)				
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6												Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()					Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)				
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 22/04 Đến 28/04/2024

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 22/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)					Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)					Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)				Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)			Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		7		VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)											Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)						
		8	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)			VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)					Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)											Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	
		10	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
Thứ 3 23/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.207_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)					Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)					Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)			Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt ()	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)	Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()	Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phượng ()	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7														Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)					Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	
		8	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)			Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		9		Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)				VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)							Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	
		10	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
Thứ 4 24/04	Sáng	1	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	**LĐ**								Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Cơ sở dữ liệu Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)					Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)					Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.306)			
		8	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)											Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		9		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	
		10		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)															Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)			

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 25/04	Sáng	1	Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N26) (TV_THI TN03)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)					Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)			Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)					
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)		Mạng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()		Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)				Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)				Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)							Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)			
		8	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)				Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		9	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)					Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		10											Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)					Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)						
Thứ 6 26/04	Sáng	1	LĐ	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)		Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)				Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)					
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Sơn Thảo ()	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.204)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)
		7		VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.202)											Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)						
		8	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)				VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)		VH_Tin học 2 Phan Hoàng Lan (H5.301)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)					Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	
		9		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)											Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)			Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)			Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.303)
		10	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	VH_Tin học 2 Nguyễn Thị Hường (H5.201)					Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
Thứ 7 27/04	Sáng	1				Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()																				
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6				Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Quản lý kho bãi Quách Hữu Việt ()																			
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									